

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2020/HNGĐ-ST

Ngày 14 - 8 - 2020

V/v Ly hôn giữa chị C và anh H

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Thế Quang;

Ông Nguyễn Hồng Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Cúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 81/2020/TLST-HNGĐ ngày 13/7/2020 về việc “Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 5/8/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lục Huyền C, sinh năm 1979; Nơi đăng ký hộ khẩu: X, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; hiện ở: Số nhà 39, Tổ 11, đường T, phường G- TP T, tỉnh Thái Nguyên. “Chị C có đơn xin xét xử vắng mặt”.

- *Bị đơn:* Anh Trịnh Minh H, sinh năm 1971; Địa chỉ: X, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định. “Anh H có đơn xin xét xử vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Lục Huyền C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trịnh Minh H tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân phường T - Tp T cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/01/2005. Sau khi lấy nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình lối sống không hòa hợp,

không có tiếng nói chung. Khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra 2 bên đã tìm nhiều giải pháp đề hàn gắn hạnh phúc gia đình xong không có kết quả. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc tan vỡ nên nguyện vọng của chị là được xin ly hôn anh Trịnh Minh H.

Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung tên là Trịnh Diệu L, sinh ngày 12/3/2006; hiện con đang ở với anh H. Trong đơn khởi kiện chị xin nhận nuôi con và yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2 triệu đồng khi ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án chị thay đổi là không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con nữa; hiện chị mở quán gội đầu ở trên Thành phố Thái Nguyên, mức thu nhập bình quân khoảng 6 triệu đồng/tháng.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai của bị đơn anh Trịnh Minh H trình bày:

Chị Lục Huyền C trình bày về việc kết hôn cũng như mâu thuẫn vợ chồng là đúng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau do tính tình lối sống không hòa hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung. Nay anh xác định vợ chồng không còn hạnh phúc, không thể hàn gắn đoàn tụ, chị C xin ly hôn anh hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung như chị C trình bày là đúng, hiện con đang ở với anh. Khi ly hôn anh nhận nuôi con, không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản; Anh không yêu cầu Tòa án xem xét.

Ngoài ra anh H đề nghị Tòa án không mở phiên họp và hòa giải giữa anh và chị C, khi Tòa án xét xử giữa anh và chị C nguyện vọng của anh xin được giải quyết vắng mặt, mọi ý kiến anh đã trình bày giữ nguyên và không thay đổi.

Kết quả xác minh thu thập chứng cứ tại UBND xã X.

Chị Lục Huyền C và anh Trịnh Minh H đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND phường T, TP T, tỉnh T. Sau khi lấy nhau vợ chồng anh H và chị C sinh sống và làm ăn ở trên T, thỉnh thoảng vợ chồng và con về quê của anh H tại x, xã X. Khoảng giữa năm 2019, khi mẹ đẻ của anh H là bà Nguyễn Thị T ốm thì vợ chồng anh H đưa con về ở cùng với mẹ đẻ anh H. Không hiểu vì lý do gì chị C ở được một thời gian rồi bỏ về nhà ngoại ở trên T. Nay chị C xin ly hôn anh H nhất trí, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn giữa chị C và anh H.

Về con chung: Anh H và chị C có 01 con chung là Trịnh Diệu L, sinh ngày 12/3/2006; hiện cháu L đang ở với anh H. Nay chị C và anh H cùng có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu phía bên kia phải cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ vào nguyện vọng của con chung cũng như quy định của pháp luật, đề nghị Tòa án giải quyết để đảm bảo quyền lợi cho cháu L.

Về tài sản: Chị C và anh H không có tài sản, không nợ nần liên quan kinh tế với cơ sở xóm đội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa phát

biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, các đương sự tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt là phù hợp.

Nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho ly hôn giữa chị Lục Huyền C và anh Trịnh Minh H; giao con chung là Trịnh Diệu L, sinh ngày 12/3/2006 cho chị Lục Huyền C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh H không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

Về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên không xem xét điều chỉnh.

Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Các đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lục Huyền C và anh Trịnh Minh H kết hôn hợp pháp. Sau khi chị C và anh H lấy nhau chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân do tính tình, lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm; chị C và H đã tìm giải pháp để hàn gắn hạnh phúc vợ chồng xong không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nay chị C và anh H cùng xác định vợ chồng không còn tình cảm, hạnh phúc tan vỡ. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị C và anh H là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị C xin ly hôn, anh H nhất trí. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lục Huyền C đối với anh Trịnh Minh H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về việc nuôi con chung: Chị Lục Huyền C và anh Trịnh Minh H có 01 con chung là Trịnh Diệu L, sinh ngày 12/3/2006. Nay ly hôn cả chị C và anh H cùng có nguyện vọng xin nhận nuôi con và không yêu cầu phía bên kia phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, chị C và anh H hai bên cùng có nguyện vọng nuôi con là phù hợp, tuy nhiên để con chung được phát triển lành mạnh, hơn nữa cháu L lại là con gái đang tuổi mới lớn cũng như căn cứ vào nguyện vọng của cháu L xin được ở với chị C nên HĐXX sẽ giao cho chị C chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và anh H có trách nhiệm giao con chung cho chị C nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét về tài sản là phù hợp.

[5] Về án phí: Chị Lục Huyền C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Lục Huyền C và anh Trịnh Minh H.

2. Về con chung: Giao cho chị Lục Huyền C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Trịnh Diệu L, sinh ngày 12/3/2006. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở. Anh H có trách nhiệm giao con cho chị C nuôi dưỡng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí: Chị Lục Huyền C phải nộp án phí ly hôn là 300.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0001781 ngày 13/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định; chị Lục Huyền C đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh: 01 bản;
- VKSND tỉnh + huyện: 02 bản;
- Chi cục THADS huyện: 01 bản;
- UBND xã X: 01 bản;
- Các đương sự 02 bản;
- Lưu hồ sơ: 02 bản;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Phạm Ngọc Long

